

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,765 – 1,775 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,757.95 điểm, giảm nhẹ hơn 3 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp tăng mạnh nhất, các ngành còn lại có diễn biến không đáng kể. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, HNX và mua ròng nhẹ trên sàn UPCOM. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục đi ngang tạo nền để lấy đà bật lên, cũng như chờ đợi các thông tin tích cực khác từ thị trường. Ngày mai là phiên đáo hạn phái sinh, nhà đầu tư nên cẩn trọng trước khả năng thị trường biến động.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng, ngược chiều với nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 15/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-3.11** điểm, đóng cửa tại **1757.95** điểm. HNX-Index **+0.79** điểm, đóng cửa tại **276.12** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+2.26)**, **VJC (+1.54)**, **GEE (+0.97)**, **GEX (+0.91)**, **KDH (+0.61)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.76)**, **VIC (-2.11)**, **VCB (-1.14)**, **VPL (-1.12)**, **FPT (-1.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **35,504** tỷ đồng, giảm **-27.53%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 38,015 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 23.33 điểm. Thị trường có **120** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **200** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-832.10** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-419.72 tỷ)**, **KDH (-262.43 tỷ)**, **HDB (-169.88 tỷ)**, **VIC (-80.12 tỷ)**, **VGC (-76.68 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-68.69** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.09%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - KDH (+6.90%)** ([Link báo cáo](#))
 - VPB (+3.69%)** ([Link báo cáo](#))
 - TPB (+2.60%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.07%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - GEX (+6.97%)** ([Link báo cáo](#))
 - VJC (+6.95%)** ([Link báo cáo](#))
 - HDG (+6.89%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.09%	-0.07%	-0.18%	-0.20%
1 tuần	0.48%	1.02%	3.54%	4.51%
1 tháng	-3.73%	-3.60%	4.34%	7.08%
3 tháng	8.56%	11.84%	17.98%	22.94%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,757.95	276.12	112.32
% 1D	-0.18%	0.29%	-0.73%
GTKL (tỷ VND)	35,504	2,274	564
%1D	-27.53%	-35.64%	-29.67%
GDNN (tỷ VND)	-832.10	-68.69	14.22

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TPB	204.37	FPT	-419.72
SHB	201.60	KDH	-262.43
VCB	99.15	HDB	-169.88
GMD	78.29	VIC	-80.12
LPB	67.13	VGC	-76.68

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

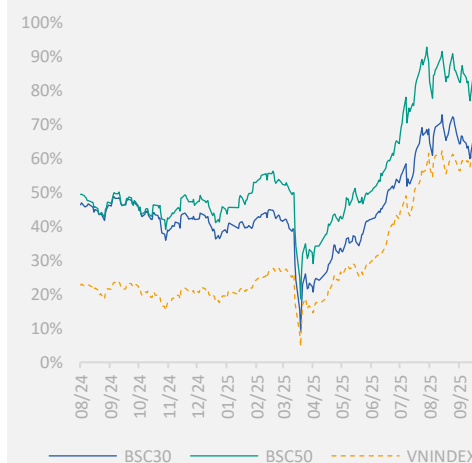
		%D	%W
SPX	6,644	-0.16%	-1.05%
FTSE100	9,418	-0.37%	-1.37%
Eurostoxx	5,622	1.36%	-0.50%
Shanghai	3,912	1.22%	0.76%
Nikkei	47,673	1.76%	-0.56%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.19	-0.33%
Giá vàng	4,215	0.77%
Tỷ giá		
USD/VND	26,369	0.00%
EUR/VND	31,407	0.35%
JPY/VND	179	1.13%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	0.01%
LS LNH 1M	5.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



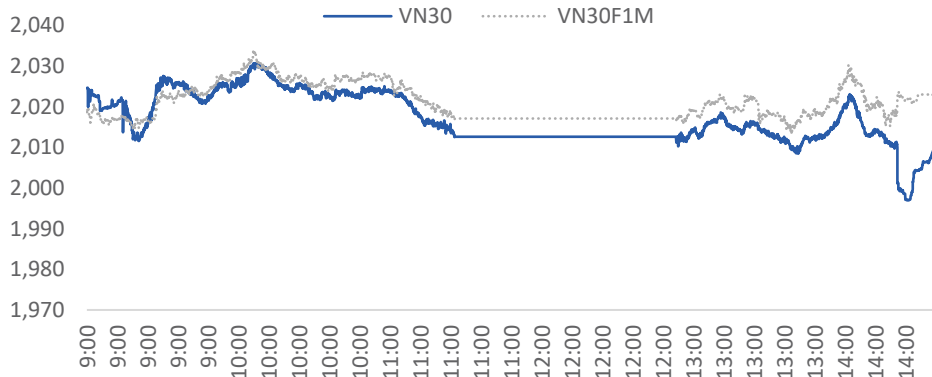
Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111FB000	2015.30	0.27%	14,284	61.7%	20/11/2025	36
4111FA000	2022.00	0.39%	281,052	-18.5%	16/10/2025	1
VN30F2512	2014.60	0.33%	561	-18.9%	18/12/2025	64
4111G3000	1984.00	0.05%	50	-71.91%	19/03/2026	155

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -4.05 điểm, đóng cửa tại 2009.64 điểm. Biên độ dao động 22.30 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VIC, VHM, MWG, VRE tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 đóng cửa dưới tham chiếu với thanh khoản sụt giảm so với phiên trước những vấn đề duy trì trên MA20. Chiến lược là Long/Short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng, ngược chiều với nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 4111FB000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVJC2506	25/06/2026	253	39,600	24.03%	167.80	3,450	22.3%	1.43	202.30	163.10	163.10
CVPB2509	19/11/2025	35	27,600	2.46%	22.07	6,400	21.9%	6.03	34.53	33.70	33.70
CVJC2505	3/03/2026	139	368,400	4.39%	106.87	3,170	20.1%	2.91	170.27	163.10	163.10
CVPB2510	23/02/2026	131	6,200	9.16%	23.04	7,060	19.5%	5.70	36.79	33.70	33.70
CVJC2504	3/12/2025	49	91,500	0.17%	97.98	3,270	19.3%	3.29	163.38	163.10	163.10
CVHM2509	19/12/2025	65	500	-9.38%	56.67	11,140	18.8%	13.56	112.37	124.00	124.00
CVPB2409	4/11/2025	20	75,100	1.69%	21.42	6,600	16.6%	6.34	34.27	33.70	33.70
CVPB2517	3/12/2025	49	17,900	2.07%	20.00	3,600	15.8%	3.46	34.40	33.70	33.70
CHDB2504	19/11/2025	35	88,600	0.98%	26.67	1,690	15.8%	1.64	33.43	33.10	33.10
CVPB2524	25/06/2026	253	789,300	44.31%	43.11	1,380	15.0%	0.33	48.63	33.70	33.70
CHDB2505	23/02/2026	131	205,700	8.09%	27.78	2,000	14.3%	1.56	35.78	33.10	33.10
CVPB2523	24/02/2026	132	322,900	7.48%	28.00	4,110	14.2%	3.34	36.22	33.70	33.70
CVPB2511	12/01/2026	89	21,900	2.04%	18.01	8,410	11.5%	8.16	34.39	33.70	33.70
CVPB2521	23/07/2026	281	3,300	5.88%	22.15	4,510	11.4%	4.18	35.68	33.70	33.70
CSSB2505	3/12/2025	49	600	15.80%	20.22	890	11.3%	0.17	22.00	19.00	19.00
CVPB2519	3/04/2026	170	8,200	3.53%	21.89	3,250	10.2%	3.09	34.89	33.70	33.70
CVPB2501	27/10/2025	12	147,500	1.05%	19.47	7,490	10.1%	7.32	34.05	33.70	33.70
CSSB2506	3/02/2026	111	100	17.45%	20.56	880	10.0%	0.32	22.32	19.00	19.00
CVPB2512	13/04/2026	180	31,100	2.61%	18.50	8,260	9.5%	8.03	34.58	33.70	33.70
CVPB2513	20/05/2026	217	369,700	2.20%	18.00	8,220	8.9%	8.11	34.44	33.70	33.70

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 15/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm của cổ phiếu cơ sở.
- CVJC2506 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 22.34%. CVHM2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 3.90%.
- CVHM2521, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	163.10	6.95%	4.42
VPB	33.70	3.69%	3.84
HDB	33.10	1.38%	0.85
TPB	19.70	2.60%	0.53
SSI	41.45	1.10%	0.45

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	89.60	-3.03%	-3.51
VIC	209.50	-1.13%	-3.18
VHM	124.00	-2.36%	-3.17
MWG	83.30	-1.07%	-1.42
VRE	41.90	-1.99%	-1.09

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	33.70	3.69%	2.26	7.93
VJC	163.10	6.95%	1.54	0.59
GEE	165.80	6.97%	0.97	0.37
GEX	62.90	6.97%	0.91	0.90
KDH	34.10	6.90%	0.61	1.12

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	31.70	4.28%	0.52	0.57
HUT	17.00	2.41%	0.30	1.07
NVB	14.80	1.37%	0.16	1.17
PGS	47.20	9.26%	0.15	0.05
PTI	29.00	5.84%	0.14	0.12

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	6.74	6.98%	0.00	0.00
GEX	62.90	6.97%	0.91	31.94
GEE	165.80	6.97%	0.97	1.86
VJC	163.10	6.95%	1.54	3.79
VPS	11.55	6.94%	0.00	0.16

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PJC	27.80	9.88%	0.08	0.00
PTX	24.90	9.69%	0.06	0.00
PGS	47.20	9.26%	0.82	0.00
QTC	21.30	9.23%	0.02	0.03
SDU	24.80	7.83%	0.15	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	124.00	-2.36%	-2.76	4.11
VIC	209.50	-1.13%	-2.11	3.88
VCB	62.50	-0.95%	-1.14	8.36
VPL	83.70	-3.24%	-1.12	1.79
FPT	89.60	-3.03%	-1.06	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

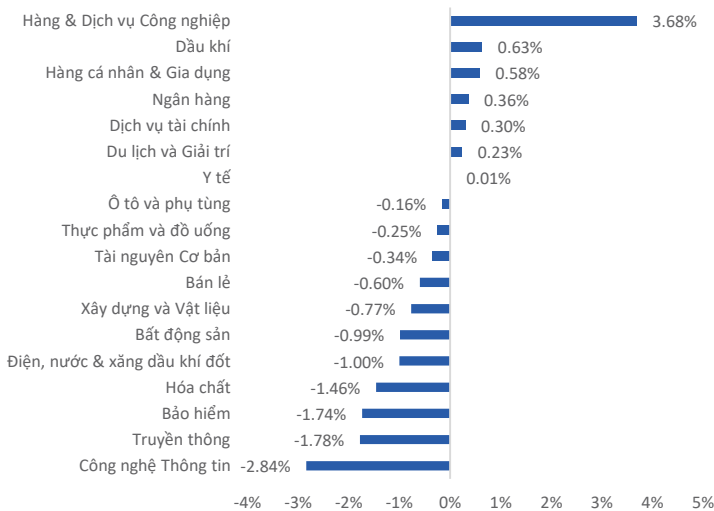
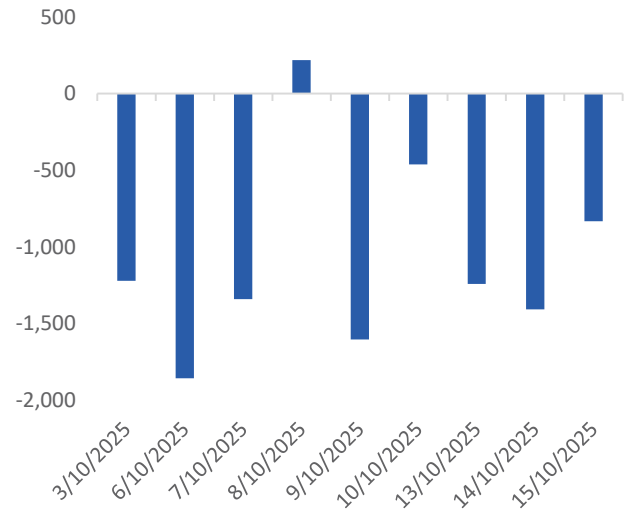
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	154.90	-5.55%	-1.16	0.20
PVS	30.50	-2.87%	-0.28	0.48
IDC	37.20	-2.11%	-0.20	0.38
MBS	34.00	-1.45%	-0.19	0.57
HGM	302.00	-2.86%	-0.07	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNI	4.80	-6.98%	0.00	1.20
RYG	11.00	-5.98%	-0.01	0.75
CCI	24.55	-5.76%	-0.01	0.00
CCC	15.80	-5.39%	-0.01	0.02
TDW	48.30	-5.29%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
V12	11.20	-9.68%	-0.05	0.00
BPC	12.20	-9.63%	-0.02	0.00
UNI	9.20	-8.91%	-0.13	0.00
QST	29.70	-8.62%	-0.03	0.00
EBS	11.30	-7.38%	-0.03	0.00

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	83.3	-1.1%	1.3	124,486	493.7	3,304	25.5	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	-1.6%	1.2	33,432	364.6	1,835	19.4	46,000	11.5%	Link
KDH	Bất động sản	34.1	6.9%	1.4	35,799	688.0	716	44.6	39,900	28.7%	Link
PDR	Bất động sản	25.5	2.4%	1.7	24,397	675.6	177	141.0	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	124.0	-2.4%	0.9	521,641	1005.6	6,984	18.2	92,000	9.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	89.6	-3.0%	0.7	157,404	1709.7	5,092	18.2	118,700	36.3%	Link
BSR	Dầu khí	28.3	1.1%	0.0	86,814	190.1	(16)		23,200	0.7%	Link
PVS	Dầu khí	30.5	-2.9%	1.6	15,008	185.7	2,644	11.9	42,800	9.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.7	-0.9%	1.4	29,105	346.8	1,189	22.7		35.8%	
SSI	Dịch vụ tài chính	41.5	1.1%	1.3	85,113	1247.8	1,566	26.2		36.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	42.8	-0.6%	1.3	31,072	339.4	1,368	31.4		24.0%	
DCM	Hóa chất	34.0	-2.6%	1.3	18,476	184.2	3,186	11.0	47,300	5.5%	Link
DGC	Hóa chất	95.0	-1.3%	1.4	36,535	113.3	8,175	11.8	109,300	12.3%	Link
ACB	Ngân hàng	26.3	0.0%	0.9	135,094	387.9	3,305	8.0	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	39.4	-0.6%	1.0	278,046	171.9	3,683	10.8	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	54.8	0.7%	1.2	292,128	444.0	5,608	9.7	53,500	26.0%	Link
HDB	Ngân hàng	33.1	1.4%	1.2	125,518	1023.2	3,944	8.3	30,800	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	27.3	0.7%	1.1	217,888	869.4	3,046	8.9	32,000	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	13.3	0.0%	1.1	41,340	84.5	1,634	8.1	14,000	29.4%	Link
STB	Ngân hàng	60.0	-1.0%	1.0	114,244	337.0	6,148	9.9		17.2%	
TCB	Ngân hàng	40.8	0.0%	1.0	289,119	633.7	3,017	13.5	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.7	2.6%	1.1	50,726	577.1	2,423	7.9	-	24.1%	Link
VCB	Ngân hàng	62.5	-1.0%	0.9	527,243	351.2	4,148	15.2	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	20.3	1.3%	0.9	68,080	242.6	2,218	9.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	33.7	3.7%	1.0	257,853	3740.6	2,193	14.8	35,600	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.3	-0.4%	1.3	217,599	1144.7	1,750	16.2	34,300	19.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.5	0.5%	1.3	11,395	96.8	751	24.4	23,800	8.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.0	-0.7%	1.3	10,468	113.3	4,124	6.6	31,700	3.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	82.5	0.0%	1.2	119,288	563.2	1,861	44.3	92,700	23.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.6	0.2%	0.7	132,712	297.3	4,101	15.5	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.9	2.25%	1.4	8,847	75.5	2,215	18.1	20.9%		Link
FRT	Bán lẻ	142.0	-0.14%	0.9	24,217	83.6	3,163	45.0	31.2%		Link
BVH	Bảo hiểm	51.0	-1.92%	1.2	38,601	37.1	3,278	15.9	27.0%		
DIG	Bất động sản	23.0	1.77%	1.4	17,999	401.6	211	107.3	4.3%		
DXG	Bất động sản	21.0	2.44%	1.5	20,887	577.2	350	58.6	22.0%		Link
HDC	Bất động sản	41.2	2.49%	1.3	7,170	242.1	482	83.5	5.8%		
HDG	Bất động sản	35.7	6.89%	1.5	12,357	308.5	540	61.9	19.6%		Link
IDC	Bất động sản	37.2	-2.11%	1.4	14,421	123.6	3,977	9.6	13.3%		Link
NLG	Bất động sản	39.3	-0.88%	1.4	15,268	229.0	1,709	23.2	44.4%		Link
SIP	Bất động sản	54.0	-2.00%	1.1	13,340	15.6	5,215	10.6	3.3%		
SZC	Bất động sản	32.4	-2.11%	1.0	5,958	35.4	1,978	16.7	2.7%		Link
TCH	Bất động sản	24.5	-0.81%	1.4	21,456	416.6	1,107	22.3	11.9%		Link
VIC	Bất động sản	209.5	-1.13%	0.9	816,454	802.5	3,487	60.8	3.8%		
VRE	Bất động sản	41.9	-1.99%	0.9	97,142	871.2	1,937	22.1	15.5%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.2	-1.55%	1.4	8,216	19.7	1,700	22.8	38.3%		Link
PLX	Dầu khí	33.7	0.30%	1.0	42,692	55.9	1,661	20.2	15.6%		Link
PVD	Dầu khí	20.5	-1.44%	1.3	11,562	96.7	1,428	14.6	3.5%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.8	-1.56%	1.4	12,231	74.4	1,348	26.2	24.9%		
MBS	Dịch vụ tài chính	34.0	-1.45%	1.7	22,725	220.5	1,495	23.1	5.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	59.0	-1.67%	1.1	144,777	75.4	5,002	12.0	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	-0.35%	1.3	33,606	111.7	636	22.6	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.7	-1.22%	0.8	35,479	33.3	4,417	14.8	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	163.1	6.95%	1.0	90,221	609.0	3,427	44.5	7.0%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.9	6.97%	1.4	53,061	1974.3	1,736	33.9	8.3%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.0	1.32%	1.2	29,044	357.5	3,824	17.8	42.4%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.9	1.45%	1.1	9,304	125.7	5,700	9.7	6.0%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.6	0.29%	1.2	8,224	38.7	2,306	7.6	8.2%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98.8	1.44%	0.0	11,862	71.9	3,317	29.4	4.6%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.1	1.65%	1.2	28,895	86.2	6,115	13.9	48.7%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.0	0.17%	1.0	3,244	53.7	2,693	10.8	49.1%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.6	-2.11%	1.4	2,329	11.7	2,841	6.7	17.2%		Link
DPM	Hóa chất	23.4	-2.30%	1.2	16,284	208.6	957	25.0	5.8%		Link
GVR	Hóa chất	27.5	-1.44%	1.3	111,400	70.7	1,331	20.9	0.3%		
EIB	Ngân hàng	26.8	0.94%	1.3	49,362	300.2	1,783	14.9	4.8%		Link
LPB	Ngân hàng	51.6	0.19%	0.5	153,845	183.0	3,324	15.5	0.9%		Link
NAB	Ngân hàng	14.8	-0.34%	0.0	25,478	63.5	2,260	6.6	1.4%		Link
OCB	Ngân hàng	13.1	0.77%	1.0	34,487	101.8	1,130	11.5	19.5%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.0	0.00%	1.4	7,609	134.5	666	25.5	6.1%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	31.4	-1.42%	1.4	8,467	81.8	1,871	17.0	4.7%		Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.3	-0.72%	0.6	10,489	79.3	1,981	17.4	3.3%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.3	-0.33%	0.7	58,228	38.8	3,185	14.3	58.4%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.2	-1.63%	1.2	12,367	59.2	6,444	8.6	19.0%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.4	-0.07%	0.7	11,583	9.9	13,894	10.2	85.0%		Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.5	-0.60%	1.3	8,520	73.1	4,565	18.4	49.0%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	81.0	-1.70%	1.2	9,425	33.7	4,930	16.7	5.4%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.4	1.26%	1.4	4,818	97.1	2,518	19.0	6.0%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.4	-0.32%	1.3	7,660	170.4	1,077	14.3	9.5%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.8	-3.25%	1.1	8,798	85.4	1,189	20.7	13.9%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.3	-1.27%	1.2	17,843	373.5	1,195	23.1	8.2%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	52.0	-2.99%	1.4	24,032	142.4	3,343	16.0	5.4%		

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vươn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>